XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN HIỆN NAY

NGUYỄN VÂN HẰNG
Học viện Tư pháp
LÊ TRUNG HIẾU
Học viện Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 08/11/2025. Sửa chữa xong 20/12/2025. Duyệt đăng 28/12/2025.

Abstract

In the context of comprehensive digital transformation, the construction of a socialist rule-of-law state in Vietnam is facing new developmental conditions and requirements. Digital transformation is not only an inevitable trend in modern national governance but also an essential tool for improving the effectiveness and efficiency of state management, ensuring human rights and citizens' rights, and strengthening mechanisms for controlling state power. This article clarifies the theoretical foundations, analyzes the current situation, identifies opportunities and challenges, and proposes orientations and solutions for building a socialist rule-of-law state in Vietnam in the era of comprehensive digital transformation.

Keywords: *Digital transformation, human rights, national governance, rule-of-law state, socialist, digital government.*

1. Đặt vấn đề

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của sự nghiệp đổi mới đất nước, được khẳng định nhất quán trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương đã xác định rõ: tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhiệm vụ chiến lược lâu dài, nhằm bảo đảm quyền con người, quyền công dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và thúc đẩy phát triển bền vững đất nước trong giai đoạn mới [6]. Theo đó, Nhà nước pháp quyền XHCN là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát chặt chẽ giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Song song với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, quá trình chuyển đổi số (CĐS) toàn diện đang diễn ra mạnh mẽ, trở thành xu thế tất yếu của quản trị quốc gia hiện đại. Ở Việt Nam, CĐS được xác định là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, cải cách hành chính và hiện đại hóa nền quản lý nhà nước. Chiến lược quốc gia phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 đã đặt mục tiêu xây dựng nền hành chính hoạt động hiệu quả, minh bạch, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ [3]. Quá trình này không chỉ tác động đến phương thức cung ứng dịch vụ công mà còn làm thay đổi căn bản mối quan hệ giữa Nhà nước với xã hội trong việc thực thi quyền lực công.

Thực tiễn cho thấy CĐS đang tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi cho việc củng cố các nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền XHCN. Việc mở rộng dịch vụ công trực tuyến, xây dựng Cổng Dịch vụ công quốc gia và kết nối, liên thông các cơ sở dữ liệu đã góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch, giảm tiếp xúc trực tiếp giữa người dân với cơ quan công quyền, qua đó hạn chế tiêu cực và nâng cao trách nhiệm giải trình của bộ máy nhà nước [5]. Theo Báo cáo Chỉ số CĐS quốc gia năm 2024, mức độ sẵn

Email: trunghieu@gmail.com

sàng và ứng dụng công nghệ số trong khu vực công ở Việt Nam tiếp tục được cải thiện, phản ánh sự lan tỏa của chuyển đổi số trong quản trị nhà nước và đời sống xã hội [2].

Bên cạnh đó, việc hoàn thiện khung pháp lý cho môi trường số đã có những bước tiến quan trọng. Luật Giao dịch điện tử năm 2023 đã mở rộng phạm vi điều chỉnh, tạo cơ sở pháp lý cho việc công nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, chữ ký số và giao dịch điện tử trong hầu hết các lĩnh vực quản lý nhà nước [8]. Đồng thời, Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân đã bước đầu thiết lập các nguyên tắc xử lý dữ liệu, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan, qua đó thể hiện nỗ lực của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền riêng tư - một nội dung cốt lõi của quyền con người trong môi trường số [4].

Tuy nhiên, CĐS toàn diện cũng đặt ra nhiều thách thức mới đối với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các nền tảng số xuyên biên giới đang làm xuất hiện những quan hệ xã hội mới mà hệ thống pháp luật chưa kịp điều chỉnh đầy đủ. Nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư, rò rỉ dữ liệu cá nhân, bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ số cũng như những rủi ro trong kiểm soát quyền lực nhà nước khi ra quyết định dựa trên thuật toán là những vấn đề ngày càng rõ nét. Các nghiên cứu quốc tế về chính phủ số đều chỉ ra rằng nếu thiếu nền tảng pháp lý vững chắc và cơ chế giám sát hiệu quả, XHCN có thể làm suy giảm niềm tin xã hội và gây tổn hại đến các giá trị pháp quyền [16], [18].

Trong lĩnh vực tư pháp, việc triển khai xét xử trực tuyến theo Nghị quyết số 33/2021/QH15 của Quốc hội là một bước tiến quan trọng trong cải cách tư pháp gắn với CĐS [7]. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cũng đặt ra yêu cầu phải bảo đảm chặt chẽ các nguyên tắc tố tụng, quyền bào chữa, quyền tranh tụng và tính công bằng trong xét xử. Điều này cho thấy, CĐS trong lĩnh vực tư pháp không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà trước hết là vấn đề pháp quyền, đòi hỏi sự đồng bộ giữa công nghệ, pháp luật và tổ chức thực thi.

Về tổng thể, mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN hoặc chuyển đổi số, chính phủ điện tử, chính phủ số ở Việt Nam, song phần lớn các nghiên cứu vẫn tiếp cận hai nội dung này tương đối tách biệt. Các công trình lý luận về Nhà nước pháp quyền thường tập trung vào khía cạnh thể chế, tổ chức quyền lực và cải cách pháp luật [11], trong khi các nghiên cứu về chuyển đổi số chủ yếu nhấn mạnh yếu tố công nghệ, quản lý và hiệu quả hành chính [10]. Chưa có nghiên cứu nào tiếp cận tổng thể, liên ngành, phân tích mối quan hệ tương tác hai chiều giữa xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và CĐS toàn diện, vì vậy đang tạo ra khoảng trống nhất định cả về lý luận và thực tiễn.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, việc nghiên cứu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong bối cảnh CĐS toàn diện hiện nay có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu này nhằm góp phần làm rõ những vấn đề lý luận mới nảy sinh từ thực tiễn chuyển đổi số, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc nhận thức đầy đủ hơn vai trò của pháp luật, của Nhà nước và của con người trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong thời đại số.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Khái niệm và bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Trong lý luận chính trị - pháp lý hiện đại, Nhà nước pháp quyền được hiểu là mô hình nhà nước tổ chức và thực thi quyền lực trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm tính tối cao của pháp luật trong quản lý xã hội, đồng thời tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Ở Việt Nam, Nhà nước pháp quyền mang bản chất XHCN, được xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và gắn với mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" [6]. Theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp [6].

Bản chất của Nhà nước pháp quyền XHCN không chỉ thể hiện ở việc quản lý xã hội bằng pháp luật mà còn ở yêu cầu pháp luật phải phản ánh ý chí, lợi ích của nhân dân và được thực thi một cách công

bằng, nghiêm minh. Pháp luật trong Nhà nước pháp quyền không đơn thuần là công cụ cai trị mà là phương tiện bảo đảm dân chủ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Các nghiên cứu lý luận trong nước chỉ ra rằng, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN là quá trình đồng bộ giữa hoàn thiện thể chế pháp luật, đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động công quyền [11].

2.1.2. Những đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Từ góc độ lý luận và thực tiễn, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam có một số đặc trưng cơ bản. Thứ nhất, nguyên tắc thượng tôn Hiến pháp và pháp luật được đặt lên hàng đầu; mọi chủ thể trong xã hội, kể cả Nhà nước, đều phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Thứ hai, quyền lực nhà nước được tổ chức và thực thi theo cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát, nhằm phòng ngừa lạm quyền và bảo đảm hiệu quả quản lý [6]. Thứ ba, Nhà nước có trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, coi đây là mục tiêu và động lực của sự phát triển.

Trong bối cảnh hiện nay, các đặc trưng này ngày càng gắn chặt với yêu cầu minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân vào quá trình quản lý nhà nước. Các nghiên cứu về cải cách hành chính và quản trị công ở Việt Nam cho thấy, việc tăng cường minh bạch, ứng dụng công nghệ thông tin và mở rộng dịch vụ công trực tuyến là những công cụ quan trọng để hiện thực hóa các nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa [10].

2.1.3. Khái niệm chuyển đổi số và nội dung chuyển đổi số toàn diện

CĐS được hiểu là quá trình ứng dụng công nghệ số nhằm thay đổi căn bản phương thức tổ chức, vận hành và cung cấp dịch vụ của các tổ chức, trong đó có khu vực công. Ở cấp độ quốc gia, chuyển đổi số không chỉ dừng lại ở việc số hóa dữ liệu hay tin học hóa quy trình mà là sự thay đổi toàn diện mô hình quản trị, hướng tới chính phủ số, kinh tế số và xã hội số [3]. Theo Chiến lược quốc gia phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, CĐS trong khu vực công nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, đồng thời thúc đẩy minh bạch và trách nhiệm giải trình [3].

CĐS toàn diện bao gồm ba trụ cột chính: (i) chính phủ số - tập trung vào số hóa hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công; (ii) kinh tế số - thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng trưởng dựa trên công nghệ; (iii) xã hội số - mở rộng khả năng tiếp cận thông tin, dịch vụ và tri thức cho mọi tầng lớp nhân dân. Báo cáo Chỉ số CĐS quốc gia cho thấy, mức độ sẵn sàng và triển khai CĐS của Việt Nam đang từng bước được cải thiện, phản ánh sự lan tỏa của công nghệ số trong các lĩnh vực quản lý và đời sống xã hội [2].

2.1.4. Mối quan hệ giữa xây dựng Nhà nước pháp quyền và chuyển đổi số

Từ góc độ lý luận, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và CĐS có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau. Một mặt, CĐS tạo ra các công cụ và điều kiện mới để củng cố các nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền, như tăng cường minh bạch, giảm tiếp xúc trực tiếp giữa người dân và cơ quan công quyền, qua đó hạn chế tham nhũng và nâng cao trách nhiệm giải trình. Việc triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia và các nền tảng số dùng chung là minh chứng cho vai trò của công nghệ số trong việc hỗ trợ thực thi pháp luật hiệu quả hơn [5].

Mặt khác, Nhà nước pháp quyền là nền tảng thể chế không thể thiếu để bảo đảm CĐS diễn ra đúng định hướng, vì lợi ích của nhân dân và xã hội. Nếu thiếu khuôn khổ pháp lý rõ ràng, CĐS có thể làm gia tăng rủi ro xâm phạm quyền riêng tư, bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ và khó kiểm soát quyền lực nhà nước trong môi trường số. Pháp quyền và niềm tin xã hội là điều kiện tiên quyết để CĐS thành công trong khu vực công [16], [18].

2.1.5. Pháp luật và thể chế pháp quyền trong môi trường số

Trong môi trường số, pháp luật không chỉ điều chỉnh các quan hệ xã hội truyền thống mà còn phải thích ứng với các quan hệ mới phát sinh từ việc xử lý dữ liệu, giao dịch điện tử và sử dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước. Luật Giao dịch điện tử năm 2023 đã mở rộng phạm vi điều chỉnh, khẳng định giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu và giao dịch điện tử, qua đó tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho

hoạt động công quyền trên môi trường số [8]. Cùng với đó, Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân thể hiện nỗ lực của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền riêng tư - một nội dung cốt lõi của quyền con người trong thời đại số [4].

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các nền tảng số xuyên biên giới đang đặt ra những thách thức mới cho pháp luật, đặc biệt là trong việc xác định trách nhiệm pháp lý, bảo đảm minh bạch và kiểm soát rủi ro [14], [16]. Điều này đòi hỏi pháp luật phải vừa bảo đảm tính ổn định, vừa có khả năng thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của công nghệ.

2.1.6. Quản trị nhà nước, quyền con người và pháp quyền trong bối cảnh số

Chuyển đổi số có tiềm năng mở rộng khả năng tiếp cận thông tin, dịch vụ công và cơ chế tham gia của người dân vào quản lý nhà nước, qua đó thúc đẩy dân chủ và pháp quyền. Tuy nhiên, nếu không được kiểm soát bằng pháp luật, công nghệ số cũng có thể dẫn đến nguy cơ giám sát quá mức, xâm phạm đời sống riêng tư và hạn chế quyền tự do cá nhân [17].

Các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc và Ngân hàng Thế giới đều nhấn mạnh chính phủ số chỉ thực sự hiệu quả khi đặt quyền con người và niềm tin xã hội làm trung tâm của quá trình chuyển đổi [16], [18], [19]. Do đó, từ góc độ lý luận, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong bối cảnh CĐS toàn diện không chỉ là vấn đề kỹ thuật hay quản lý mà trước hết là vấn đề bảo đảm các giá trị pháp quyền cốt lõi trong một môi trường xã hội đang thay đổi nhanh chóng.

2.2. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số

2.2.1. Hoàn thiện thể chế pháp luật phục vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã từng bước hình thành và hoàn thiện khuôn khổ pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong điều kiện CĐS toàn diện. Một dấu mốc quan trọng là việc ban hành Luật Giao dịch điện tử năm 2023, mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội và quản lý nhà nước, khẳng định giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, chữ ký số và giao dịch điện tử [8]. Luật này đã tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho việc số hóa hoạt động công quyền, thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Song song với đó, Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân đã lần đầu tiên thiết lập tương đối toàn diện các nguyên tắc xử lý dữ liệu, quyền và nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu cũng như trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc thu thập, lưu trữ và sử dụng dữ liệu cá nhân [4]. Đây là bước tiến đáng kể trong việc thể chế hóa quyền riêng tư - một quyền con người cơ bản - trong môi trường số, phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong bối cảnh mới.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy hệ thống pháp luật liên quan đến chuyển đổi số còn tồn tại những hạn chế nhất định. Một số quy định pháp luật vẫn mang tính nguyên tắc, chưa được cụ thể hóa đầy đủ bằng các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ và cơ chế giám sát, dẫn đến khó khăn trong tổ chức thực hiện. Ngoài ra, pháp luật hiện hành chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và nền tảng số xuyên biên giới, làm nảy sinh những khoảng trống pháp lý trong kiểm soát quyền lực nhà nước và bảo vệ quyền con người trong môi trường số [14], [16].

2.2.2. Xây dựng chính phủ số và cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Xây dựng chính phủ số là một trong những nội dung trọng tâm của CĐS quốc gia, có tác động trực tiếp đến việc thực hiện các nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền XHCN. Triển khai Chiến lược quốc gia phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong việc mở rộng dịch vụ công trực tuyến và số hóa quy trình quản lý nhà nước [3].

Theo báo cáo của Cổng Dịch vụ công quốc gia, đến năm 2025, hệ thống đã cung cấp hàng nghìn dịch vụ công trực tuyến, xử lý hàng trăm triệu hồ sơ, trong đó số lượng hồ sơ trực tuyến và giao dịch thanh toán điện tử tăng nhanh qua các năm [5]. Việc đưa thủ tục hành chính lên môi trường số đã góp phần giảm thời gian và chi phí cho người dân và doanh nghiệp, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch và khả năng giám sát hoạt động công quyền.

Tuy nhiên, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình còn chưa đồng đều giữa các bộ, ngành và địa phương. Ở

nhiều lĩnh vực, người dân vẫn phải bổ sung hồ sơ giấy hoặc thực hiện một số khâu trực tiếp, làm giảm hiệu quả của CĐS và hạn chế tác động tích cực đối với việc kiểm soát quyền lực nhà nước. Thực trạng này phản ánh những hạn chế trong liên thông dữ liệu, chuẩn hóa quy trình và năng lực tổ chức thực hiện ở một số cơ quan hành chính [10].

2.2.3. Xây dựng và khai thác hạ tầng dữ liệu phục vụ quản trị theo pháp quyền

Hạ tầng dữ liệu và khả năng liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước là điều kiện quan trọng để thực hiện nguyên tắc quản lý xã hội bằng pháp luật trong môi trường số. Thời gian qua, Việt Nam đã tập trung xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, tạo tiền đề cho việc thực hiện nguyên tắc "một lần khai báo", giảm yêu cầu cung cấp lại thông tin của người dân và doanh nghiệp [5].

Theo Báo cáo Chỉ số chuyển đổi số quốc gia năm 2024, mức độ sẵn sàng và khả năng khai thác dữ liệu của khu vực công đã được cải thiện đáng kể, phản ánh sự chuyển biến từ quản lý thủ công sang quản lý dựa trên dữ liệu [2]. Việc khai thác dữ liệu giúp cơ quan nhà nước đưa ra quyết định nhanh hơn, chính xác hơn và có cơ sở pháp lý rõ ràng hơn, góp phần nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật.

Dù vậy, việc chia sẻ và sử dụng dữ liệu vẫn đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư và an toàn thông tin. Trong bối cảnh dữ liệu ngày càng trở thành "nguồn lực quyền lực", nếu thiếu cơ chế kiểm soát chặt chẽ, việc lạm dụng dữ liệu có thể làm suy giảm niềm tin của người dân đối với Nhà nước và làm suy yếu các giá trị pháp quyền [17].

2.2.4. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong môi trường số

Chuyển đổi số đã mở ra nhiều cơ hội để người dân tiếp cận thông tin, dịch vụ công và tham gia vào quản lý nhà nước một cách thuận tiện hơn. Việc mở rộng dịch vụ công trực tuyến, xây dựng cổng thông tin và nền tảng số đã góp phần nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận pháp luật của người dân [5].

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy nguy cơ bất bình đẳng số giữa các nhóm xã hội, đặc biệt là giữa khu vực đô thị và nông thôn, giữa các nhóm dân cư có trình độ công nghệ khác nhau. Nếu không có các cơ chế hỗ trợ phù hợp, chuyển đổi số có thể vô tình tạo ra những rào cản mới trong việc thực hiện quyền công dân, đi ngược lại mục tiêu bình đẳng trước pháp luật của Nhà nước pháp quyền XHCN[19].

Ngoài ra, vấn đề bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân ngày càng trở nên cấp thiết. Mặc dù đã có Nghị định số 13/2023/NĐ-CP, nhưng nhận thức và năng lực thực thi của một số cơ quan, tổ chức còn hạn chế, làm gia tăng nguy cơ vi phạm quyền riêng tư trong quá trình xử lý dữ liệu [4], [17].

2.2.5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tư pháp

Trong lĩnh vực tư pháp, CĐS được xem là một khâu đột phá nhằm nâng cao chất lượng xét xử, bảo đảm công lý và quyền con người. Việc ban hành Nghị quyết số 33/2021/QH15 của Quốc hội về tổ chức phiên tòa trực tuyến đã tạo cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động xét xử, góp phần cải cách tư pháp và nâng cao hiệu quả giải quyết vụ việc [7].

Thực tiễn triển khai xét xử trực tuyến cho thấy nhiều lợi ích như tiết kiệm thời gian, chi phí, tăng khả năng tiếp cận công lý cho người dân ở vùng sâu, vùng xa. Tuy nhiên, hoạt động này cũng đặt ra những thách thức về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng, quyền bào chữa và tính công khai của phiên tòa. Nếu không được kiểm soát chặt chẽ bằng pháp luật và quy trình nghiệp vụ, việc ứng dụng công nghệ trong tư pháp có thể ảnh hưởng đến các giá trị cốt lõi của Nhà nước pháp quyền [11].

2.2.6. Đánh giá chung

Nhìn chung, quá trình CĐS ở Việt Nam đã và đang tạo ra những điều kiện thuận lợi để củng cố Nhà nước pháp quyền XHCN, thông qua việc nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, tăng cường minh bạch và mở rộng khả năng tiếp cận quyền của người dân. Các kết quả về phát triển chính phủ số, dịch vụ công trực tuyến và hạ tầng dữ liệu cho thấy những bước tiến rõ rệt trong hiện đại hóa quản trị quốc gia [2], [3], [5].

Tuy nhiên, những hạn chế về thể chế pháp luật, liên thông dữ liệu, bảo đảm quyền con người và

năng lực thực thi cho thấy xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong bối cảnh chuyển đổi số vẫn là một quá trình phức tạp, đòi hỏi sự tiếp tục hoàn thiện cả về lý luận và thực tiễn. Thực trạng này chính là cơ sở quan trọng để xác định các định hướng và giải pháp phù hợp nhằm bảo đảm CĐS phục vụ đúng mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

2.3. Giải pháp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện ở Việt Nam hiện nay

Trong bối cảnh CĐS toàn diện, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam cần được đặt trong một định hướng chiến lược dài hạn, bảo đảm sự thống nhất giữa đổi mới công nghệ, hoàn thiện thể chế và giữ vững bản chất Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nghị quyết số 27-NQ/TW đã xác định rõ yêu cầu tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong điều kiện mới, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của quá trình phát triển đất nước [6]. Trong bối cảnh đó, CĐS không phải là mục tiêu tự thân mà là phương tiện quan trọng để hiện thực hóa các nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền.

Trên cơ sở phân tích thực trạng nêu trên, tác giả đề xuất một số nhóm giải pháp cụ thể nhằm hướng tới hoàn thiện việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong bối cảnh CĐS toàn diện hiện nay:

2.3.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện thể chế, pháp luật đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

Hoàn thiện thể chế, pháp luật là giải pháp mang tính nền tảng nhằm bảo đảm CĐS được triển khai thống nhất, có kiểm soát và phù hợp với các nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền XHCN. Trước hết, cần tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến chuyển đổi số, bảo đảm tính đồng bộ giữa các luật, nghị định và văn bản hướng dẫn thi hành. Luật Giao dịch điện tử năm 2023 đã tạo khung pháp lý quan trọng cho hoạt động giao dịch và quản lý trên môi trường số, song việc tổ chức thực hiện đòi hỏi phải có các quy định chi tiết hơn về tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ và trách nhiệm pháp lý của các chủ thể liên quan [8].

Bên cạnh đó, pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân cần tiếp tục được hoàn thiện theo hướng cụ thể hóa các nguyên tắc đã được xác lập trong Nghị định số 13/2023/NĐ-CP, đặc biệt là các quy định về quyền của chủ thể dữ liệu, nghĩa vụ bảo mật và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước khi xử lý dữ liệu cá nhân [4]. Việc bảo đảm quyền riêng tư và an toàn dữ liệu không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là điều kiện quan trọng để củng cố niềm tin của người dân đối với hoạt động công quyền trong môi trường số [17].

Trong bối cảnh xuất hiện ngày càng nhiều ứng dụng trí tuệ nhân tạo và thuật toán trong quản lý nhà nước, việc nghiên cứu, từng bước xây dựng khung pháp lý điều chỉnh các quyết định hành chính dựa trên công nghệ là yêu cầu cấp thiết. Các kinh nghiệm quốc tế cho thấy nếu thiếu cơ chế pháp lý kiểm soát và trách nhiệm giải trình, việc sử dụng thuật toán trong quản trị công có thể làm gia tăng rủi ro xâm phạm quyền con người và làm suy yếu các nguyên tắc pháp quyền [14], [16].

2.3.2. Nhóm giải pháp đẩy mạnh xây dựng chính phủ số gắn với trách nhiệm giải trình

Xây dựng chính phủ số là giải pháp trung tâm nhằm hiện thực hóa các giá trị của Nhà nước pháp quyền XHCN trong thực tiễn quản lý nhà nước. Trên cơ sở Chiến lược quốc gia phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, cần tiếp tục đẩy mạnh số hóa quy trình quản lý, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và liên thông giữa các cơ quan nhà nước [3]. Việc mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến không chỉ góp phần giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp mà còn tăng cường minh bạch, giảm nguy cơ nhũng nhiễu và nâng cao trách nhiệm giải trình của bộ máy hành chính [5].

Một yêu cầu quan trọng là gắn việc xây dựng chính phủ số với cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước. Dữ liệu số, dấu vết điện tử và hệ thống thông tin quản lý nếu được khai thác hợp lý sẽ trở thành công cụ hữu hiệu để giám sát hoạt động công quyền, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật. Theo lý luận về quản trị công hiện đại, trách nhiệm giải trình là yếu tố then chốt để bảo đảm chuyển đổi số phục vụ đúng mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền [10], [18].

2.3.3. Nhóm giải pháp phát triển hạ tầng dữ liệu và liên thông thông tin phục vụ quản trị theo pháp quyền